

Bản án số: 254/2022/DS-PT

Ngày 19- 9 – 2022

V/v tranh chấp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Huỳnh Văn Út

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 08 và ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2022/TLPT- DS ngày 26 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 157/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Điệp Bích T1, sinh năm: 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966;

Người đại diện theo ủy quyền của bà S: Ông Lê Trí T3, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Ông Danh Văn G, sinh năm 1957 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông G: Ông Nguyễn Văn Nuôi, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị S là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Diệp Bích T1 trình bày:

Trước đây, bà T1 có mở một số dây hội, vợ chồng ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S có tham gia chơi do bà T1 làm chủ (trong danh sách hội ghi tên là Bác 6, do bà S thứ 6 nên thường gọi là Bác 6). Các dây hội ông G và bà S tham gia chơi như sau:

1. Dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây A), loại hội 500.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G, bà S tham gia chơi 01 chung (danh sách ghi tên Bác 6). Ngày 19/01/2019 (âm lịch), ông G, bà S kêu giá 125.000 đồng hót kỳ đầu, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hội như sau: Sống 24 chung x 375.000 đồng = 9.000.000 đồng, trừ cò 250.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 8.750.000 đồng. Sau khi hót hội, ông G, bà S đã đóng lại cho bà được 7 kỳ, với số tiền là 3.500.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2020 âm lịch mãn hội (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) là 18 tháng, ông G và bà S không đóng hội chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hội chết là: 18 tháng x 500.000 đồng/tháng = 9.000.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây B), loại hội 500.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G, bà S tham gia chơi 01 chung (danh sách ghi tên Bác 6). Đến ngày 19/02/2019 âm lịch, ông G, bà S kêu giá 155.000 đồng hót kỳ thứ 2, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hội như sau: Chết 01 chung x 500.000 đồng = 500.000 đồng, sống 23 chung x 345.000 đồng = 7.935.000 đồng, trừ cò: 250.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 8.185.000 đồng. Sau khi hót hội, ông G, bà S đã đóng lại cho bà được 7 kỳ, với số tiền là 3.500.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 12/2020 âm lịch (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) mãn hội là 18 tháng, ông G và bà S không đóng hội chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hội chết là: 18 tháng x 500.000 đồng/tháng = 9.000.000 đồng.

3. Dây hội mở ngày 19/10/2017 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 26 chung, ông G, bà S tham gia chơi 01 chung (danh sách ghi tên Bác 6 Vàng là do bà T1 đánh nhầm tên). Đến ngày 19/05/2018 âm lịch, ông G, bà S kêu giá 225.000 đồng hót kỳ thứ 8, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hội như sau: Chết 07 chung x 1.000.000 đồng = 7.000.000 đồng, sống 18 chung x 775.000 đồng = 13.950.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 20.450.000 đồng. Sau khi hót hội, ông G, bà S đã đóng lại cho bà T1 được 22 kỳ, với số tiền là 22.000.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019 âm lịch mãn hội là 04 tháng, ông G và bà S không đóng hội chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hội chết là: 04 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 4.000.000 đồng.

4. Dây hội mở ngày 19/9/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 27 chung, ông G, bà S tham gia chơi 03 chung (danh sách ghi tên Bác 6 là 02 chung, 01 chung ghi tên Tính Bác 6) .

* Chung thứ 1: Ngày 1/9/2018 âm lịch, ông G, bà S kê giá 250.000 đồng hót kỳ đầu, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Sóng 26 chung x 750.000 đồng = 19.500.000 đồng, trừ cò: 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 19.000.000 đồng.

* Chung thứ 2: Ngày 19/11/2018 âm lịch, ông G, bà S kê giá 280.000 đồng hót, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 02 chung x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, sóng 24 chung x 720.000 đồng = 17.280.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 18.780.000 đồng.

* Chung thứ 3: Ngày 19/12/2018 âm lịch, ông G, bà S kê giá 315.000 đồng hót, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 03 chung x 1.000.000 đồng = 3.000.000 đồng, sóng 23 chung x 685.000 đồng = 15.755.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 18.255.000 đồng.

Sau khi hót 03 chung hui, ông G, bà S đã đóng lại cho bà T1 được 11 kỳ, với số tiền là 33.000.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2020 âm lịch (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) mãn hui là 16 tháng, ông G, bà S không đóng hui chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hui chết là: 16 tháng x 3 chung x 1.000.000 đồng/tháng = 48.000.000 đồng.

5. Dây hui mở ngày 19/11/2018 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G, bà S tham gia chơi 02 chung (danh sách ghi tên Bác 6).

* Chung thứ 1: Ngày 19/01/2019 âm lịch, ông G, bà S kê giá 325.000 đồng hót kỳ thứ 03, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 02 chung x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, sóng 22 chung x 675.000 đồng = 14.850.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 16.350.000 đồng.

* Chung thứ 2: Ngày 19/4/2019 âm lịch, ông G, bà S kê giá 375.000 đồng hót kỳ thứ 6, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 05 chung x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng, sóng 19 chung x 625.000 đồng = 11.875.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 16.375.000 đồng.

Sau khi hót 02 chung hui, ông G, bà S đã đóng lại cho bà được 09 kỳ, với số tiền là 18.000.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2020 (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) âm lịch là 16 tháng, ông G bà S không đóng hui chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hui chết là: 16 tháng x 2 chung x 1.000.000 đồng/tháng = 32.000.000 đồng.

6. Dây hui mở ngày 19/4/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 27 chung, ông G, bà S tham gia chơi 02 chung (danh sách ghi tên Bác 6 Giàu, còn 01 chung ghi tên Xuyên Bác 6).

* Chung thứ 1: Ngày 19/05/2019 âm lịch, ông G, bà S kê giá 350.000 đồng hót kỳ thứ 2, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 01 chung x 1.000.000 đồng = 1.000.000 đồng, sóng 25 chung x 650.000 đồng =

15.250.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 16.750.000 đồng.

* Chung thứ 2: Ngày 19.6.2019 âm lịch, ông G, bà S kê giá 340.000 đồng hót kỳ thứ 3, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 02 chung x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, sống 24 chung x 660.000 đồng = 15.840.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 17.340.000 đồng.

Sau khi hót 02 chung hui, ông G, bà S đã đóng lại cho bà T1 được 04 kỳ với số tiền là 8.000.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 05/2021 âm lịch (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) mãn hui là 23 tháng, ông G bà S không đóng hui chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hui chết là: 23 tháng x 2 chung x 1.000.000 đồng/tháng = 46.000.000 đồng.

7. Dây hui mở ngày 19/9/2018 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G, bà S tham gia chơi 01 chung (danh sách ghi tên Bác 6). Ngày 19/01/2019 âm lịch, ông G, bà S kê giá 650.000 đồng hót kỳ thứ 5, bà T1 đã giao cho vợ chồng ông G, bà S số tiền hui như sau: Chết 04 chung x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng, sống 20 chung x 1.350.000 đồng = 27.000.000 đồng, trừ cò 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 34.000.000 đồng. Sau khi hót chung hui, ông G, bà S đã đóng lại cho bà được 11 kỳ với số tiền là 22.000.000 đồng thì nghỉ đóng. Từ tháng 8/2019 đến tháng 08/2020 âm lịch (năm 2020 nhuận hai tháng 4 âm lịch) mãn hui là 14 tháng, ông G bà S không đóng hui chết cho bà T1. Bà T1 phải trả tiền hui chết là: 14 tháng x 01 chung x 2.000.000 đồng/tháng = 28.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hui ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S còn thiếu bà T1 trong các dây hui như sau: Dây hui mở ngày 19/01/2019 âm lịch (Dây A) là 9.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây B) 9.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/10/2017 âm lịch 4.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/9/2018 âm lịch 48.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/11/2018 âm lịch 32.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/4/2019 âm lịch 46.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/9/2018 âm lịch loại hui 02 triệu đồng/tháng số tiền 28.000.000 đồng. Tổng cộng 07 dây hui nói trên ông G và bà S còn thiếu bà T1 là 176.000.000 đồng tiền hui chết. Sau đó, bà T1 có đòi ông G, bà S nhiều lần thì bà S có trả cho bà tổng cộng số tiền 39.000.000 đồng, còn nợ lại 137.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U Minh xem xét giải quyết buộc ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S trả lại cho bà T1 số tiền hui mà bà T1 đã đóng hui chết thay bà S, ông G là 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả đối với số tiền hui còn thiếu từ ngày 16.02.2021 âm lịch (tức ngày 28.3.2021 dương lịch) đến ngày 16.12.2021 âm lịch (tức 18.01.2022) là 10 tháng (300 ngày) x lãi suất 1,66%/ tháng x 137.000.000 đồng = 22.742.000 đồng, tổng cộng tiền hui còn thiếu và tiền lãi là 159.742.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị S là ông Lê Trí T3 trình bày:

Trước đây bà S có tham gia chơi hội do bà T1 làm chủ chứ chồng bà S là ông Danh Văn G không có tham gia, các chung hội bà S tham gia cụ thể như sau:

1. Dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây A), loại hội 500.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, bà S tham gia chơi 01 chung. Ngày 19/02/2019 âm lịch bà S kêu hội 120.000 đồng hót, bà T1 không giao hội cho ông G mà giao hội cho bà S với số tiền như sau: Chết 01 chung x 500.000 đồng = 500.000 đồng, sống 23 chung x 380.000 đồng = 8.740.000 đồng, trừ còn 250.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao cho bà S là 8.990.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 từ ngày 19/01/2019 đến ngày 19/9/2019 là 09 tháng với số tiền 4.500.000 đồng thì không đóng nữa. Như vậy, đối trừ tiền hội bà S đã đóng và số tiền bà T1 giao thì bà S còn nợ lại bà T1 là 4.490.000 đồng.

2. Dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây B), loại hội 500.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G không tham gia, bà S tham gia chơi 01 chung. Ngày 19/3/2019 âm lịch bà S kêu hội 165.000 đồng hót, bà T1 không giao hội cho ông G mà giao hội cho bà S với số tiền như sau: Chết 02 chung x 500.000 đồng = 1.000.000 đồng, sống 22 chung x 335.000 đồng = 7.370.000 đồng, trừ còn 250.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao cho bà S là 8.120.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 từ ngày 19/01/2019 đến ngày 19/9/2019 là 09 tháng với số tiền 4.500.000 đồng thì không đóng nữa. Như vậy, đối trừ tiền hội bà S đã đóng và số tiền bà T1 giao thì bà S còn nợ lại bà T1 là 3.620.000 đồng.

3. Dây hội mở ngày 19/10/2017 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 26 chung, bà S tham gia chơi 01 ông G không tham gia. Đến ngày 19/6/2018 âm lịch, bà S kêu giá 235.000 đồng hót kỳ thứ 8, bà T1 không giao tiền cho ông G chỉ giao tiền cho bà S với số tiền như sau: Chết 08 chung x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng, sống 17 chung x 765.000 đồng = 13.005.000 đồng, trừ còn 500.000 đồng. Số tiền còn lại bà T1 đã giao cho bà là 20.505.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 từ khi khai hội 19/10/2017 đến ngày 19/9/2019 âm lịch là 23 kỳ với số tiền 23.000.000 đồng. Như vậy, đối trừ tiền hội bà T1 giao với số tiền bà S đã đóng thì bà T1 còn nợ bà S là 2.495.000 đồng.

4. Dây hội mở ngày 19/9/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 27 chung, có danh sách hội kèm theo bà S tham gia chơi 03 chung, ông G không tham gia, đến ngày 19/11/2020 âm lịch mãi, bà S hót 01 chung bà S kêu giá 250.000 đồng hót kỳ đầu, bà T1 không giao tiền hội cho ông G mà giao cho bà S số tiền hội như sau: Sống 26 chung x 750.000 đồng = 19.500.000 đồng, trừ còn 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 19.000.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng tiền hội cho bà T1 đến ngày đến ngày 19/9/2019 âm lịch thì ngưng không đóng là 13 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 03 chung = 39.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà S đã đóng và số tiền bà T1 đã giao thì chung hội này bà T1 còn nợ bà S 20.000.000 đồng.

5. Dây hội mở ngày 19/11/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G không tham gia mà bà S tham gia chơi 02 chung, đến ngày 19/12/2020 âm lịch mãi, bà S đã hót 01 chung vào ngày 19/01/2019 âm lịch kêu giá 315.000 đồng hót kỳ thứ ba, bà T1 không giao tiền cho ông G mà giao tiền

cho bà S số tiền hội như sau: Chết 02 chung x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng. Sống 22 chung x 685.000 đồng = 15.070.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao là 16.570.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 đến ngày 19/9/2019 âm lịch là 11 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 02 chung = 22.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà S đã đóng và số tiền bà T1 đã giao thì chung hội này bà T1 còn nợ bà S 5.430.000 đồng.

6. Dây hội mở ngày 19/4/2019 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, tổng số 27 chung, ông G không tham gia, bà S tham gia chơi 02 chung, hội ngày 19/5/2021 âm lịch mãn. Bà S chỉ hốt 01 chung hội vào ngày 19/6/2019 âm lịch kê giá 335.000 đồng, hốt kỳ thứ ba số tiền hội như sau: Chết 02 chung x 1.000.000 đồng = 2.000.000 đồng, sống 25 chung x 650.000 đồng = 15.250.000 đồng, trừ cò 500.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao bà S là 17.460.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 đến ngày 19/9/2019 âm lịch là 06 tháng x 1.000.000 đồng/tháng x 02 chung = 12.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà S đã đóng và số tiền bà T1 đã giao thì bà S còn nợ bà T1 là 5.460.000 đồng.

7. Dây hội mở ngày 19/9/2018 âm lịch, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, tổng số 25 chung, ông G không tham gia, bà S tham gia chơi 01 chung. Bà S hốt hội vào ngày 19/02/2019 âm lịch kê giá 690.000 đồng, hốt kỳ thứ sáu số tiền hội như sau: Chết 05 chung x 2.000.000 đồng = 10.000.000 đồng, sống 19 chung x 1.310.000 đồng = 24.890.000 đồng, trừ cò 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bà T1 đã giao bà S là 33.890.000 đồng. Dây hội này bà S đã đóng hội cho bà T1 đến ngày 19/9/2019 âm lịch là 13 tháng x 2.000.000 đồng/tháng = 26.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà S đã đóng và số tiền bà T1 đã giao chung hội này bà S còn nợ bà T1 là 7.890.000 đồng.

Các dây hội bà T1 giao tiền hội cho bà S, không có giao cho ông G.

Bà T1 yêu cầu tính lãi bà S không đồng ý. Tại phiên tòa ông T3 xác định đồng ý số tiền bà S đã trả cho bà T1 là 39.000.000 đồng như lời bà T1 trình bày.

Số tiền hội bà S còn nợ bà T1 trong các dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây A) là 4.490.000 đồng; dây hội mở ngày 19/01/2019 âm lịch (dây B) 3.620.000 đồng; dây hội mở ngày 19/4/2019 âm lịch 5.460.000 đồng; dây hội mở ngày 19/9/2018 âm lịch loại hội 02 triệu đồng/tháng 7.890.000 đồng, tổng cộng là 21.460.000 đồng.

Số tiền hội bà T1 còn nợ bà S trong các dây hội mở ngày 19/10/2017 âm lịch là 2.495.000 đồng; dây hội mở ngày 19/9/2018 âm lịch 20.000.000 đồng; dây hội mở ngày 19/11/2018 âm lịch 5.430.000 đồng cộng với tiền 39.000.000 đồng bà S đã trả thì bà T1 nợ bà S 66.925.000 đồng.

Đối trừ số tiền này thì bà T1 còn nợ bà S là 45.465.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án huyện U Minh giải quyết tuyên hợp đồng góp hội giữa bà Diệp Bích T1 và bà Nguyễn Thị S vô hiệu, yêu cầu bà T1 trả cho bà S số tiền 45.465.000 đồng.

Bị đơn ông Danh Văn G trình bày: Việc vợ ông là bà S tham gia chơi hội của bà T1 là do bà S tự tham gia ông không biết nên bà Thủy yêu cầu ông trả tiền hội ông không đồng ý.

Từ nội dung trên, Bản án sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Điệp Bích T1 đối với ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho bà Điệp Bích T1 số tiền hui là 137.000.000 (một trăm ba mươi bảy triệu) đồng và tiền lãi là 11.371.000 đồng, tổng cộng là 148.371.000 (một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi một nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Điệp Bích T1 đối với ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S về số tiền lãi 11.371.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Điệp Bích T1 trả số tiền 45.465.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/6/2022, bà Nguyễn Thị S có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không buộc ông G cùng bà S có trách nhiệm trả nợ cho bà Thủy số tiền 137.000.000 đồng và không buộc ông G bà S chịu án phí số tiền 4.845.525 đồng. Yêu cầu chấp nhận yêu cầu phản tố của bà S đối với số tiền bà T1 còn nợ lại là 20.000.000đ của dây hui ngày 19/9/2018 và 5.430.000 đồng của dây hui ngày 19/11/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kiến nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S vì bản án sơ thẩm chấp nhận những người làm chứng như ông Sỹ, ông T5, bà N là những người không có tham gia những dây hui trên để làm chứng là không phù hợp.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G tham gia tranh luận: ông G không có tham gia chơi hui cũng không có tham giao đóng hui hay nhận tiền hui đã hết nên việc án sơ thẩm buộc cả ông G cùng có trách nhiệm trả nợ hui là không phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Điệp Bích T1 khởi kiện yêu cầu ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S thanh toán tiền hui còn nợ là 137.000.000 đồng và tiền lãi 22.742.000 đồng, bà S yêu cầu phản tố buộc bà T1 còn nợ là 45.465.000 đồng. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T1, không chấp phản tố của bà S nên bà S kháng cáo. Xét kháng cáo của bà S, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Người đại diện theo ủy quyền của bà S thừa nhận bà S có tham gia chơi 07 dây hội mở các ngày 19/01/2019 âm lịch (Dây A), ngày 19/01/2019 âm lịch (dây B); ngày 19/10/2017 âm lịch; ngày 19/9/2018; ngày 19/11/2018 âm lịch; ngày 19/4/2019 âm lịch; ngày 19/9/2018 âm lịch do bà T1 làm chủ. Về ngày mở hội, loại hội, số chung hội tham gia trong từng dây hội đúng như **bà T1 trình bày. Bà S chỉ kháng cáo yêu cầu xem xét lại 2 dây hội ngày 19/9/2018 đóng hội thừa 20.000.000 đồng và dây hội ngày 19/11/2018.**

[3] Bà S thống nhất có tham gia các dây hội nêu trên và đã hốt hội, đóng hội lại đến ngày 19/9/2019 thì ngưng. Nhưng án sơ thẩm xác định bà S ngưng đóng hội chết từ tháng 8/2019, bà S không kháng cáo về vấn đề này xem như bà S thống nhất với thời gian ngưng đóng hội chết cho bà T1 là tháng 8/2019. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của bà S xác định chỉ kháng cáo hai dây hội ngày 19/9/2018 và 19/11/2018, các dây hội khác không yêu cầu xem xét lại. Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với dây hội ngày 19/9/2018, loại hội 1.000.000 đồng bà S tham gia 03 chung, bà S cho rằng chỉ hốt 1 chung còn lại 2 chung hội sống. Đối với dây hội ngày 19/11/2018, bà S xác định đã hốt 1 chung còn sống 1 chung, bà T1 cho rằng bà S đã hốt hết của hai dây hội trên. bà T1 có cung cấp được xác nhận của một số hội viên chơi chung biết việc bà S đã hốt, bà S không thừa nhận có việc hốt hết 3 chung hội 1.000.000 đồng nhưng tại đơn kháng cáo ngày 22/6/2022, bà S xác định đã đóng hội chết được 13 tháng x 1.000.000 đồng x 03 chung = 39.000.000 đồng và chung hội ngày 19/11/2018 đóng được 11 tháng x 1.000.000 đồng x 02 chung = 22.000.000 đồng điều này cho thấy cả 2 dây hội đều chết nên bà S mới đóng hội mỗi chung 1.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bà S xác định là do viết nhầm nhưng tại đơn phản tố ngày 09/02/2022, bà S cũng trình bày số tiền đóng hội như đơn kháng cáo. Từ đơn kháng cáo và đơn phản tố do bà S ký tên nộp cho Tòa án. Nên có căn cứ để xác định bà S đã hốt hết các chung hội ở hai dây hội nói trên mới có việc đóng lại hội chết.

[4] Án sơ thẩm buộc bà S và ông G cùng có nghĩa vụ chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho bà T1. Xét thấy đây là quyền lợi của ông G nhưng ông G không kháng cáo, bà S kháng cáo cho rằng ông G không có nghĩa vụ trong việc này là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Bà S kháng cáo về việc án sơ thẩm tính án phí cho bà S và ông G nhưng ông G là người dân tộc và là người cao tuổi nên đã được miễn. Tuy nhiên tại nhận định của án sơ thẩm có đoạn “Ông G và bà S phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà T1 được chấp nhận là 148.371.000 đồng x 5% = 7.418.550 đồng. Tuy nhiên, ông G là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định”. Do đó, án sơ thẩm chỉ buộc bà S phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.709.275 đồng, không buộc ông G chịu án phí như kháng cáo của bà S. Đối với yêu cầu phản tố của bà S không được chấp nhận nên bà S phải chịu án phí là 2.273.250 là phù hợp.

[6] Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm bà S không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án sơ

thẩm, theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: bà S phải chịu theo quy định.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Bích T1 đối với ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Danh Văn G, bà Nguyễn Thị S liên đới trả cho bà Diệp Bích T1 số tiền hui là 137.000.000 đồng và tiền lãi là 11.371.000 đồng, tổng cộng là 148.371.000 (một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi một nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Bích T1 đối với ông Danh Văn G và bà Nguyễn Thị S về số tiền lãi 11.371.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu bà Diệp Bích T1 trả số tiền 45.465.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu là 3.709.275 đồng và 2.273.250 đồng, tổng là 5.982.525 đồng, ngày 25/02/2022, bà S có nộp tạm ứng số tiền 1.137.000 đồng theo biên lai 0010305 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ, bà S nộp tiếp số tiền 4.845.525 đồng.

Bà Diệp Bích T1 phải chịu là 568.550 đồng, ngày 20/01/2022, bà T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.994.000 đồng (theo biên lai số 0010215) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, bà T1 được nhận lại 3.425.450 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng, ngày 22/6/2022 bà S có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010567 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào